TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:195/2019/DS-ST
Ngày: 08/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa E. và ông M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyên– Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí M..

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí M. tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí M. xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. (E.)

Trụ sở: Tầng trệt và tầng lửng Cao ốc H2, 196 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí M..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Quốc Thông, sinh năm 1968 – Chức vụ: Tổ trưởng Phòng khách hàng cá nhân- E. chi nhánh Quận 4. (Theo Giấy ủy quyền số 36A/2018/EIBQ4/UQ-GĐ ngày 30/7/2018) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn M., sinh năm 1979 – Vắng mặt.

Thường trú: đường X, Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. (tên gọi tắt là E.) do ông Hồng Quốc Thông đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 22/01/2014, ông Đỗ Văn M. có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế. Căn cứ thu nhập của ông M., Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông M. với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ: 01 năm kể từ ngày phát hành thẻ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2 %/tháng, từ ngày 04/7/2018 là 2.1%/tháng, từ ngày 07/01/2019 là 2.35%/tháng; phí trễ hạn thanh toán hàng tháng bằng 3% * số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ sao kê thẻ liền trước, từ ngày 04/7/2018 phí trễ hạn là 4%; phí vượt hạn mức bằng 15%/năm/số tiền vượt hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M. đã sử dụng thẻ để thanh toán, rút tiền mặt và nợ lãi phí là: 55.030.804 đồng, trong đó doanh số sử dụng thẻ là 47.639.500 đồng, lãi phí là 7.391.304 đồng, số tiền ông M. đã trả nợ từ khi vay đến ngày 12/7/2016 là 45.040.400 đồng, trong đó nợ gốc 38.331.400 đồng, lãi 6.051.800 đồng, phí trễ hạn là 453.200 đồng và phí SMS là 204.000 đồng. Do ông M. vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản nợ của ông M. đang ở nhóm nợ xấu, cần thu hồi trước hạn. Tính đến ngày 08/7/2019, ông Đỗ Văn M. còn nợ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. tổng số tiền là 43.746.665 đồng, trong đó: nợ gốc là 9.308.100 đồng, nợ lãi là 15.293.509 đồng, phí trễ hạn là 18.752.574 đồng, phí vượt hạn mức là 392.482 đồng.

Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn M. phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ là 43.746.665 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. chỉ cho cá nhân ông Đỗ Văn M. vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông M. có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Phía bị đơn là ông Đỗ Văn M. đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và tiến hành hòa giải nhưng ông M. cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. do ông Hồng Quốc Thông đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Văn M. phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa

án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 08/7/2019 là 43.746.665 đồng trong đó: nợ gốc là 9.308.100 đồng, nợ lãi là 15.293.509 đồng, phí trễ hạn là 18.752.574 đồng, phí vượt hạn mức là 392.482 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 08/7/2019 cho đến khi ông M. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 22/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. và ông Đỗ Văn M..

Bị đơn là ông Đỗ Văn M. vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Văn M. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 463, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng V. năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. khởi kiện ông Đỗ Văn M. yêu cầu thanh toán tiền vay theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 22/01/2014. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền theo lãnh thổ: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. có đơn khởi kiện bị đơn ông Đỗ Văn M. có hộ khẩu thường trú tại đường X , Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí M..

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào thời điểm ông Đỗ Văn M. ngừng thanh toán các khoản tiền theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. bắt đầu vào ngày 12/7/2016. Đến ngày 01/11/2017, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Quận 6. Thời hiệu khởi kiện

đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Bị đơn ông Đỗ Văn M. đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông M. vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông M. đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Ngoài ra, ông Đỗ Văn M. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1]- Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 22/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. với ông Đỗ Văn M., Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông M. được E. cấp Thẻ tín dụng quốc tế Visa với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ, ông M. đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 55.030.804đồng, trong đó doanh số sử dụng thẻ là 47.639.500 đồng, lãi phí là 7.391.304 đồng, ông M. đã thanh toán cho ngân hàng 45.040.400 đồng, gồm: 38.331.400 đồng nợ gốc, lãi 6.051.800 đồng, phí trễ hạn là 453.200 đồng và phí SMS là 204.000 đồng, còn nợ 9.308.100 đồng vốn gốc. Từ ngày 12/7/2016, ông M. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi suất cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở. Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng M. nên phải chịu hậu quả của việc không chứng M. và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. khởi kiện buộc ông Đỗ Văn M. phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ tính đến ngày 08/7/2019 là 43.746.665 đồng trong đó: nợ gốc là 9.308.100 đồng, nợ lãi là 15.293.509 đồng, phí trễ hạn là 18.752.574 đồng, phí vượt hạn mức là 392.482 đồng khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2]- Theo nội dung án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì "Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này…"

[3]- Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét xử của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật. Án lệ số 08 ngày 17/10/2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Văn M. phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

[1]- Ông Đỗ Văn M. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2]- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 149, các Điều 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm c khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. (E.).

1/ Buộc ông Đỗ Văn M. phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V. số tiền 43.746.665 đồng, trong đó: nợ gốc là 9.308.100 đồng, nợ lãi là 15.293.509 đồng, phí trễ hạn là 18.752.574 đồng, phí vượt hạn mức là 392.482 đồng Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Văn M. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V. và ông Đỗ Văn M. cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Văn M. phải chịu 2.187.333 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V. được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 379.234 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028465 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí M..

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đỗ Văn M. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thu